

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2021
V/v: “tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Nhạn

2. Bà Cao Thị Mỹ Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đèo – thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Thanh Thúy – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị L – sinh năm: 1983

Địa chỉ: ấp 2B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu

Bị đơn: anh Lê Văn Ph – sinh năm: 1982

Địa chỉ: ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu

(Nguyên đơn và bị đơn có yêu cầu được xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày theo đơn khởi kiện và lời khai:***

Về hôn nhân: chị L và anh Ph sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2010, khi về sống chung vợ chồng do tự nguyện, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh Ph có phát sinh nhiều mâu thuẫn từ việc anh Ph nhậu vào là quậy và không lo cho vợ con từ đó đã ly thân hơn 05 năm, trong thời gian ly thân gia đình hai bên cũng không có tổ chức hàn gắn hôn nhân. Nay, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Ph và không có nguyện vọng hàn gắn hôn nhân

Về con chung: chị L và anh Ph có một người con chung tên Lê Ngọc Sáng – sinh ngày 23/10/2012, con chung hiện đang sống chung với anh Phiên. Khi ly hôn chị L đồng ý để con chung cho anh Ph nuôi dưỡng và anh Ph xin tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản

Bị đơn anh Lê Văn Ph trình bày theo lời khai:

- Về hôn nhân: anh Ph thống nhất với chị L về thời gian sống chung vợ chồng, không có đăng ký kết hôn và lý do mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Nay chị L có yêu cầu được ly hôn với anh Ph, anh Ph đồng ý ly hôn và không có nguyện vọng được hàn gắn hôn nhân.

- Về con chung: anh Ph thống nhất với lời trình bày của chị L là có một người con chung. Khi ly hôn anh Ph đồng ý được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không có yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật. Diễn biến tại phiên tòa thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo luật định, những người tham gia phiên tòa đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân gia đình 2014, nghị quyết 35/2000/QH10 của Quốc Hội.

- Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Ph là vợ chồng.

- Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện giữa chị L và anh Ph, tiếp tục giao con chung tên Lê Ngọc Sáng – sinh ngày 23/10/2012 cho anh Ph được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Ph không có yêu cầu.

- Về tài sản: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: chị Nguyễn Thị L có yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh Lê Văn Ph. Anh Ph có địa chỉ tại ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng: do chị L và anh Ph cùng có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh Ph theo quy định.

3. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: chị L và anh Ph thống nhất sống chung vợ chồng với nhau vào năm 2010, không có tổ chức đám cưới và không có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng giữa chị L và anh Ph có nhiều mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị L có yêu cầu được ly hôn với anh Ph và anh Ph cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy, giữa chị L và anh Ph đồng ý ly hôn nhau nhưng theo quy định tại Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH ngày 09/6/2000 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân gia đình

năm 2014 quy định “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng”. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân – gia đình năm 2014 thì Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Phiên.

Về con chung: chị L và anh Ph thống nhất có 01 người con chung tên Lê Ngọc Sáng – sinh ngày 23/10/2012. Khi ly hôn giữa chị L và anh Ph thống nhất tiếp tục giao con chung cho anh Ph được nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: do anh Ph không có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn việc cấp dưỡng nuôi chung cho chị L. Chị L không trực tiếp nuôi chung nhưng chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: chị L và anh Ph không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Xét quan điểm, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về “định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016;
- Áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Phiên.

2. Về con chung: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Phiên, tiếp tục giao con chung tên Lê Ngọc Sáng – sinh ngày 23/10/2012 cho anh Lê Văn Ph được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: do anh Ph không có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn việc cấp dưỡng nuôi chung cho chị L. Chị L không trực tiếp nuôi chung nhưng chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản: chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn Ph không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thị L phải chịu với số tiền 300.000 đồng, chị L đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002345 ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Ph không phải nộp án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- THA dân sự thị xã Giá Rai;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc Khởi